TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 70/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 30/08/2019.
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Khiết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Ông Mạc Vương Long.

2/ Ông Trần Đăng Thanh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 07 năm 2019 về việc tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 08 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Văn Nội, Sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Đồng Sim, Tuấn Đạo, Sơn Động, Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Phùng Thị Xuân, Sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú hiện nay: Đồng Tuấn, Thanh Hải, Lục Ngạn, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/7/2019, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Trương Văn Nội trình bầy: Anh và chị Phùng Thị Xuân được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tại địa phương vào tháng 5/1999 (âm lịch) nhưng không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị chúng tôi về sống chung cùng gia đình nhau ngay, tình cảm hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2011, tôi và chị Xuân phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là trong quá trình sống chung anh và chị Xuân không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, không tôn trọng lẫn nhau nói không ai nghe ai, cuộc sống không có hạnh phúc, tình cảm ngày càm mâu thuẫn trầm trọng hơn, không thể hàn gắn được nữa. Chị Xuân đa sống ly thân anh từ năm 2011 đến nay. Nay anh Nội xét thấy tình cảm không còn, nguyện vọng xin được ly hôn chị Xuân, nhưng không đăng ký kết hôn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung: Anh và chị Xuân sinh được một con chung Trương Thị Huế, sinh ngày 08/12/2011, cháu có nguyện vọng ở với chị Xuân, anh nhất trí và không đề nghị Tào án giải quyết việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, công nợ, đất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 24/7/2019 cùng các tài liệu tiếp theo chị Phùng Thị Xuân trình bầy: Chị thừa nhận như anh Nội trình bầy là đúng, chị và anh Trương Văn Nội có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương vào tháng 5/1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị và anh Nội về sống chung cùng nhau ngay, tình cảm ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh khoảng đầu năm 2011, nguyên nhân trong cuộc sống hàng ngày không tôn trọng lẫn nhau, nói không ai nghe ai. Chị và anh Nội đó sống ly thân nhau từ năm 2011 đến nay không quan hệ gì nữa. Trong thời gian sống ly thân anh Nội, chị có về bên ngoại sống, có một thời gian thuê nhà tại khu Trường Chinh, thị trấn Chũ để tiện cho công việc, sau nay không còn công việc gì nên chị lại chuyển về ngoại tại thôn Đồng Tuấn, xã Thanh Hải sinh sống nhưng chưa chuyển khẩu về. Nay Anh Nội khởi kiện xin ly hôn chị nhất trí, nhưng không có đăng ký kết hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Con chung: Chị và anh Phùng Văn Nội sinh được một con chung Trương Thị Huế, sinh ngày 08/12/2011, cháu Huệ có nguyện vọng ở vưới chị, chị nhận trách nhiệm nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, riêng, cụng nợ, đất ruộng nông nghiệp: Chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Cháu Trương Thị Huế trình bầy: Cháu có nguyện vọng ở với mẹ, không yêu cầu anh Nội phải nuôi dưỡng.

* Đại diện VKSND huyện Lục Ngạn tại phiên Toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án sau:

+ Thủ tục tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án cũng như các đương sự tại phiên tòa đều chấp hành đúng qui định tại: Các Điều 191; 195; 196; 205; 208; 209; 210 và Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 53; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phùng Văn Nội và chị Nguyễn Thị Xuân.

Con chung: Giao cho chị Phùng Thị Xuân nuôi dưỡng cháu Trương Thị Huế, sinh ngày 08/12/2011, các bên đương sự không đề nghị giải quyết việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Tài sản và công nợ: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Án phí: Áp dụng Điều 147/BLTTDS; điểm đ khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Trương Văn Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và cho đến nay các đương sự đều chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa, bị đơn Phùng Thị Xuân vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Xuân. Hiện nay, chị Xuân sinh sống thường xuyên tại huyện Lục Ngạn nên căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Văn Nội và chị Phùng Thị Xuân được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương vào tháng 5/1999, sau ngày cưới anh Nội và chị Xuân về sống chung với nhau ngay. Anh Nội và chị Xuân đều thừa nhận mâu thuẫn phát sinh từ năm 2011, nguyên nhân trong cuộc sống không tôn trọng lẫn nhau, không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, mỗi người một ý, không ai nghe ai. Anh Nội và chị Xuân ly thân nhau từ năm 2011 đến nay không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay tình cảm giữa anh và chị Xuân không còn anh khởi kiện xin ly hôn chị Xuân nhất trí. Xét thấy anh Nội và chị Xuân sống chung với nhau như vợ chồng có quyền được đăng ký kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn như vậy là vi phạm khoản 1 Điều 14 và khoản 1 Điều 53 Luật Hon nhân gia đình năm 2014.

Tại phiên Tòa hôm nay anh Nội vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn, chị Xuân cũng nhất trí. HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh Phùng Văn Nội đề nghị giải quyết là có căn cứ cần được chấp nhận xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trương Văn Nội và chị Phùng Thị Xuân.

[3] Về con chung: Anh TRương Văn Nội và chị Phùng Thị Xuân đều xác định sinh được một người con chung chị Trương Thị Huế, sinh ngày 08/12/2011. Cháu Huế có nguyện vọng ở với chị Xuân, cả anh Nội và chị Xuân đều thống nhất thỏa thuận để cháu Huế ở với chị Xuân, không đề nghị Tòa án giải quyết việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con do vậy cần tôn trọng nguyện vọng của anh chị giao cháu Huế cho chị Phùng Thị Xuân trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp 81; 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản riêng, chung, công nợ, đất nông nghiệp: Các bên đương sự tự giải quyết không đề cập Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Phùng Văn Nội thuộc diện hộ nghèo nêm miến án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28 Điều 35; 147; 271; 273 và Điều 280/BLTTDS. Khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 53; 81; 82 và 83/LHN & GĐ năm 2014. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Anh Trương Văn Nội và chị Phùng Thị Xuân.

2. Về con chung: Giao cho chị Phùng Thị Xuân tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Thị Huế, sinh ngày 08/12/2011. Việc cấp dưỡng nuôi con chung các bên đương sự không đề nghị nên không đặt ra xem xét.

Anh Trương Văn Nội có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

3/ Tài sản riêng, chung, cụng nợ, đất nông nghiệp: Các bên không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với anh Trương Văn Nội. Xác nhận anh Trương Văn Nội đã nộp 300.000đ(ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu dự phí số: AA/2018/0005600, ngày 21/7/2019 tại Chi cục THADS huyện Lục Ngạn. Khoản tiền này được trả lại anh Trương Văn Nội.

5/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *TAND tỉnh;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Văn Khiết